

## THÔNG BÁO


### Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2022

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong Trường

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;


Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách năm 2022 của Trường theo biểu đính kèm.

Trân trọng. 

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ GTVT (để b/cáo);
- HĐT, BGH;
- Lưu: VT, KHTC 

**PGS.TS. Phạm Xuân Dương**

Đơn vị: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
 Chương: **021**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày **07** tháng 02 năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ NĂM 2022**  
 (Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>80</b>	<b>98</b>	<b>122%</b>	<b>102%</b>
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>48,0</b>	<b>59</b>	<b>122%</b>	<b>68%</b>
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>32,0</b>	<b>39</b>	<b>122%</b>	<b>408%</b>
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>39.378</b>	<b>35.146</b>	<b>89%</b>	<b>110%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>39.378</b>	<b>35.146</b>	<b>89%</b>	<b>110%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	-			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>3.884,1</b>	<b>3.862</b>	<b>99%</b>	<b>79%</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.884	3.862	99%	79%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>31.894</b>	<b>27.715</b>	<b>87%</b>	<b>121%</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (070-081)	31.894	27.715	87%	121%
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>400</b>	<b>385</b>	<b>96%</b>	<b>84%</b>
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (280-338)	400	385,1	96%	84%
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>3.200</b>	<b>3.185</b>	<b>100%</b>	<b>85%</b>
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.200	3.185	100%	85%
7.2.1	Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường (Loại 250-Khoản 278)	3.200	3.185	100%	85%
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				